

Số:3145/QĐ-TĐNCS

Cám Phả, ngày 04 tháng 5 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

### V/v Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP THAN ĐÈO NAI - CỘC SÁU - TKV

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV;

Căn cứ Công văn số 7138/TKV-KH ngày 12/12/2025 của TKV V/v Thông báo các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV số 08/NQ-ĐHĐCĐ họp ngày 21/4/2026,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2026 - Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV, với nội dung chính sau:

a) Các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch PHKD năm 2026:

(Các chỉ tiêu đính kèm Phục lục số 01)

b) Các chỉ tiêu hướng dẫn kế hoạch lao động, tiền lương năm 2026:

(Các chỉ tiêu đính kèm Phục lục số 02)

**Điều 2.** Căn cứ vào các chỉ tiêu kế hoạch, Giám đốc Công ty triển khai phương án sản xuất, giao kế hoạch sản xuất cho các đơn vị bàn biện pháp tổ chức thực hiện, đảm bảo hiệu quả SXKD vì mục tiêu “Đoàn kết - An toàn - Đổi mới - Phát triển”.

**Điều 3.** Các ông/bà: Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng, đơn vị trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định./.

#### Nơi nhận:

- ĐU, HĐQT, BKS (E-copy);
- Ban Giám đốc, KTT (E-copy);
- CĐ, ĐTN, CCB (E-copy);
- Các PB, CT, PX (E-copy);
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Hải**

**Phụ lục số 1 - Các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch PHKD năm 2026 (Ban hành kèm theo Quyết định số : 3145 /QĐ-TĐNCS ngày 04 / 5 /2026)**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2026	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Quản trị tài nguyên</b>			
a	Bóc đất đá lộ thiên	1000m <sup>3</sup>	28.400	
	Trong đó: Đất CBSX	"	28.400	
*	Hệ số bóc đất đá CBSX	m <sup>3</sup> /tấn	13,52	
b	Tỷ lệ tổn thất tài nguyên khai thác			
-	Khai thác lộ thiên	%	3,90	
c	Tỷ lệ thu hồi than sạch từ nguyên khai	%	100,00	
<b>2</b>	<b>Sản phẩm chủ yếu</b>			
2.1	Than nguyên khai	1000 tấn	2.100	
-	Lộ thiên	"	2.100	
2.2	Than sàng sạch tại mỏ	1000 tấn	1.250	
-	Than sạch từ nguyên khai	"	150	
-	Than sạch từ đất đá lẫn than	"	1.100	
2.3	Than tiêu thụ (than giao cho Tập đoàn)	"	3.200	
a	Than giao cho Công ty tuyển than	"	1.950	
-	Than nguyên khai	"	1.950	
b	Than giao cho Công ty kho vận	"	1.250	
-	Than sạch	"	1.250	
<b>3</b>	<b>Doanh thu tổng số (Chưa có VAT)</b>	<b>tr.đồng</b>	<b>4.268.159</b>	
-	Doanh thu sản xuất than		4.268.159	
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận</b>	<b>tr.đồng</b>	<b>32.912</b>	
-	Sản xuất than	"	32.912	
<b>5</b>	<b>Tỷ lệ lợi nhuận/Vốn CSH</b>	<b>%</b>	<b>4,66</b>	
<b>6</b>	<b>Giá thành, giá bán</b>			
-	Giá bán bình quân than quy sạch	đồng/tấn	1.446.637	
-	Giá thành bình quân than quy sạch	đồng/tấn	1.435.482	
<b>7</b>	<b>Lao động - Tiền lương</b>			
7.1	Lao động bình quân	người	3.067	
-	Trong đó: Sản xuất than	"	3.067	
7.2	Đơn giá tiền lương	đ/1000đ DT		
-	Sản xuất than (không bao gồm lương NQL công ty)	"	118,7	
7.3	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/th	13.834	
	Trong đó: Sản xuất than	"	13.834	
<b>8</b>	<b>Thăm dò phục vụ khai thác và công tác trắc địa, địa chất</b>	<b>tr.đồng</b>	<b>37.177</b>	
<b>9</b>	<b>Kế hoạch đầu tư</b>	<b>tr.đồng</b>	<b>407.258</b>	
<b>10</b>	<b>Kế hoạch chi trả cổ tức</b>	<b>% VDL</b>	<b>≥ 3</b>	

**Phụ lục số 2 - Các chỉ tiêu Kế hoạch lao động, tiền lương năm 2026** (Ban hành kèm theo Quyết định số: 3145 /QĐ-TĐNCS ngày 04 / 5 /2026)

**A. Kế hoạch sử dụng lao động:**

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
			Công nghệ	PT,PV	Quản lý	
<b>1</b>	<b>Lao động định mức</b>	<b>3.067</b>	<b>1.685</b>	<b>1.005</b>	<b>377</b>	
-	Người quản lý công ty	7			7	
-	Người lao động	3.060	1.685	1.005	370	
<b>2</b>	<b>Lao động tuyển bổ sung, thay thế</b>	-				

**B. Kế hoạch sử dụng quỹ lương:**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tổng số	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Tổng quỹ lương</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>509.220</b>	
a	Người quản lý công ty	"	2.776	
-	Chủ tịch (kiêm TGD, GD)	"		
-	Tổng giám đốc, giám đốc	"	445	
-	UVHĐQT, TBKS, PTGD, PGĐ	"	1.971	Gồm 4 PGĐ, 1 TV HĐQT
-	Kế toán trưởng	"	360	
b	Người lao động	"	506.444	
*	Phân theo lĩnh vực	"		
-	Sản xuất than	"	509.220	
-	Sản xuất khác	"	-	
<b>2</b>	<b>Tiền lương bình quân</b>	<b>1000đ/ng/th</b>	<b>13.834</b>	
-	Người quản lý công ty	"	33.043	
-	Người lao động	"	13.790	
	Tr.đó: Sản xuất than	"	13.834	

No.: 3145 / QD-TDNCS

Cam Pha, May 04, 2026

**DECISION**

**Regarding the approval of the 2026 business production plan.  
Deo Nai - Coc Sau - TKV Coal Joint Stock Company**

**BOARD OF DIRECTORS OF DEO NAI - COC SAU - TKV COAL JOINT STOCK  
COMPANY**

*Pursuant to the Charter of Organization and Operation of Deo Nai - Coc Sau - TKV Coal Joint Stock Company;*

*Pursuant to Official Letter No. 7138/TKV-KH dated December 12, 2025, from TKV regarding the announcement of key targets for the 2026 business coordination plan;*

*Pursuant to Resolution No. 08/NQ-DHDCD of the Annual General Meeting of Shareholders of Deo Nai-Coc Sau-TKV Coal Joint Stock Company, held on April 21, 2026,*

**DECISION:**

**Article 1.** Approving the 2026 Production and Business Plan of Deo Nai-Coc Sau - TKV Coal Joint Stock Company, with the following main contents:

a) Key targets of the 2026 Business Development Plan:

*(The criteria are attached in Appendix No. 01)*

b) Guidelines for the 2026 labor and wage plan:

*(The criteria are attached in Appendix No. 02)*

**Article 2.** Based on the planned targets, the Company Director shall implement the production plan, assign production plans to the units, discuss organizational measures for implementation, and ensure production and business efficiency for the goal of "**Solidarity – Safety – Innovation – Development**".

**Article 3.** The Director, Deputy Director, Chief Accountant, and Heads of departments and units within the Company are responsible for implementing this decision.

**Recipient:**

- Party Committee, Board of Directors, Supervisory Board (E-copy);
- Board of Directors, Chief Accountant (E-copy);
- Trade Union, Youth Union, Veterans Association (E-copy);
- Departments, Subsidiaries, Workshops (E-copy);
- Saved: Administration, Board of Directors.

**O/B. BOARD OF DIRECTORS  
CHAIRPERSON**

**Nguyen Van Hai**



**Appendix No. 1 - Key Indicators of the 2026 Business Development Plan**

*(Issued together with Decision No 3145 /QD-TDNCS dated 04/5 / 2026)*

No.	Target	Unit	Plan for 2026	Note
<b>1</b>	<b>Resource management</b>			
a	Overburden excavation in open-pit mining	1000m3	28,400	
-	Of which: Overburden for production	"	28,400	
*	Accounting stripping ratio	m3/ton	13.52	
b	Resource loss rate			
-	Open-pit mining	%	3.90	
c	Clean coal recovery rate	%	100.0	
<b>2</b>	<b>Main products</b>			
2.1	Run-of-mine (ROM) coal	1000 tons	2,100	
-	Open-pit mining	"	2,100	
2.2	Clean coal (screened at mine)	1000 tons	1,250	
-	Of which: Clean coal from primary sources	"	150	
-	Clean coal recovered from waste rock and coal mixtures	"	1,100	
2.3	Coal consumption (delivered to the Group)	"	3,200	
a	Delivered to Coal Preparation Company	"	1,950	
-	Raw coal declare	"	1,950	
b	Delivered to Warehousing Company	"	1,250	
-	Clean coal	"	1,250	
<b>3</b>	<b>Total revenue (excluding VAT)</b>	<b>million dong</b>	<b>4,268,159</b>	
-	Of which: Coal production revenue		4,268,159	
<b>4</b>	<b>Profit</b>	<b>million dong</b>	<b>32,912</b>	
-	Of which: Coal production	"	32,912	
<b>5</b>	<b>Return on Equity (ROE)</b>	<b>%</b>	<b>4.66</b>	
<b>6</b>	<b>Costs and pricing</b>			
-	Average selling price of clean coal	VND/ton	1,446,637	
-	Average production cost of clean coal	VND/ton	1,435,482	
<b>7</b>	<b>Labor - Wages</b>			
7.1	Average number of employees	People	3,067	
-	Of which: Coal production	"	3,067	
7.2	Wage coefficient	VND/1000 VND		
-	Coal production (excluding Company management salaries)	"	118.7	
7.3	Average salary	1000 VND/person/month	13,834	
-	Of which: Product coal export	"	13,834	

3213  
 G TY  
 N TH  
 CQC  
 TKV  
 T.QU

No.	Target	Unit	Plan for 2026	Note
8	Exploration for mining operations and surveying and geological works	million dong	37,177	
9	Investment plan	million dong	407,258	
10	Dividend payment plan	% of the total	≥ 3	

**Appendix No. 2 - Labor and Wage Plan Indicators for 2026**  
(Issued together with Decision No 3145/QĐ-TĐNCS dated 04/5 / 2026)

**A. Labor utilization plan:**

No.	Target	Total number	In there			N
			Technology	Auxiliary and support services	Management	
1	Standard workforce	3,067	1,685	1,005	377	
-	Company managers	7			7	
-	Employees	3,060	1,685	1,005	370	
2	Additional and replacement workforce	-				

**B. Plan plan history use fund wage:**

No.	Target	Unit	Total number	Note
1	<b>Total fund wage</b>	<b>million dong</b>	<b>509,220</b>	
a	Company managers	"	2,776	
-	Chairman (concurrently serving as CEO/Director)	"		
-	Chief Executive Officer (CEO), Director	"	445	
-	Members of the Board of Directors, Head of the Supervisory Board, Deputy CEOs, Deputy Directors	"	1,971	4 Deputy Directors and 1 Member of the Board of Directors.
-	Chief Accountant	"	360	
b	Employees	"	506,444	
*	Breakdown by business line	"		
-	Coal production	"	509,220	
-	Other production	"	-	
2	<b>Average salary</b>	<b>1000 VND/person/month</b>	<b>13,834</b>	
-	Company managers	"	33,043	
-	Employees	"	13,790	
	Of which: Coal production	"	13,834	

